

CÔNG TY CP XÂY DỰNG TM & DV HUNG PHÁT BẮC GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XÂY DỰNG TM & DV HUNG PHÁT BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG PHAT BAC GIANG
CONSTRUCTIONS TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUNG PHAT BAC GIANG.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400735595

3. Ngày đăng ký thành lập: 06/05/2014

4. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đồng Quan, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang,
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02406 519 213 - 01636 100 Fax:
191 - 01288 235 119

Email: hungphatbg.vn@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Bán mô tô, xe máy	4541
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
5.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6.	Tái chế phế liệu	3830
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm kinh doanh thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)	4669
8.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
9.	Khai thác thủy sản biển	0311
10.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
13.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
14.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm kinh doanh dược phẩm)	4649
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
22.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
23.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
24.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
26.	Chăn nuôi lợn	0145
27.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
29.	Chăn nuôi khác	0149
30.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
31.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
32.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Khai thác gỗ	0221
37.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
38.	Bán buôn gạo	4631
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
45.	Chăn nuôi gia cầm	0146
46.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
47.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
48.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
49.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
50.	Xây dựng công trình công ích	4220
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

52.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
56.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
57.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
58.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
59.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
60.	Phá dỡ	4311
61.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
64.	In ấn	1811
65.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
67.	Bốc xếp hàng hóa (Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
68.		<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân;địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân;MSD N đối với doanh nghiệp;Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HÀ QUANG BÌNH	Thôn Thành, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3	121287767	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3		
2	LÊ THỊ LAN	Thôn Hạ, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20	121753354	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20		
3	NGUYỄN NAM SƠN	Số nhà 2, ngõ 5, khu phố I, tổ I, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20	121377824	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20		
4	NGUYỄN VĂN TUYẾN	Thôn Chùa, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3	121249074	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3		
5	TRẦN VĂN KHANG	Thôn Chùa, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3	121286359	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3		
6	NGUYỄN ĐỨC DƯỠNG	Thôn Phúc Mãn, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3	121249006	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3		
7	NGUYỄN HUY ANH	Số nhà 19, ngõ 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3	121545805	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3		

8	TRINH MINH KHIẾT	Thôn Đồng Quan, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20	121886000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20		
9	NGÔ QUANG HÙNG	Thôn Đồng Quan, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	25	121525628	
			Tổng số	25.000	250.000.000	25		

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGÔ QUANG HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: *24/02/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *121525628*

Ngày cấp: *23/09/2008*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Quan, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Quan, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang